SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

Số: 2065 /QĐ-BVTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2026-2027 của Bệnh viện Tâm Thần

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Biên bản họp ngày 02/11/2026 của Hội đồng thuốc và điều trị Bệnh viện Tâm Thần về Xây dựng kế hoạch đấu thầu Mua sắm thuốc năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-BVTT ngày 03/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm Thần về việc Phê duyệt dự toán Mua sắm thuốc năm 2026-2027 của Bệnh viện Tâm Thần;

Căn cứ Quyết định số 2057/QĐ-BVTT ngày 16/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm Thần về việc điều chỉnh Quyết định số 1945/QĐ-BVTT ngày 03/11/2026 về phê duyệt Dự toán Mua sắm thuốc năm 2026 - 2027 của Bệnh viện Tâm Thần;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại Tờ trình ngày 16/11/2026 về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán Mua sắm thuốc năm 2026 - 2027 của Bệnh viện Tâm Thần.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc năm 2026 - 2027 của Bệnh viện Tâm Thần với nội dung chi tiết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III đính kèm.

Điều 2. Khoa Dược và Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban Giám đốc, Khoa Dược và Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN
SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

BSCKII. Nguyễn Đăng Khoa

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VP (HH/07b).

PHỤ LỤC I

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc năm 2026 - 2027 của Bệnh viện Tâm Thần

(Kèm theo Quyết định số 2065 /QĐ-BVTT ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm Thần)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	**Bệnh viện Tâm Thần**	Gói thầu thuốc biệt dược gốc	Mua sắm thuốc năm 2026-2027	**14.384.568.800**	Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán; nguồn thu hợp pháp khác.	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	150 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	30%
2		Gói thầu thuốc generic	Mua sắm thuốc năm 2026-2027	**103.212.643.640**	Nguồn ngân sách nhà nước; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán; nguồn thu hợp pháp khác.	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	150 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	30%
Tổng giá gói thầu				**117.597.212.440 VNĐ**								

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

PHỤ LỤC II

DANH MỤC MUA SẮM THUỐC NĂM 2026 - 2027

Gói thầu thuốc biệt dược gốc

(Đính kèm Quyết định 2065/QĐ-BVTT ngày 17 /11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm Thần)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
1	Betahistin	Betaserc 24mg hoặc tương đương	24 mg	Uống	Viên	Viên	14.000	6.516	91.224.000	4.200	27.367.200
2	Carbamazepin	Tegretol CR 200 hoặc tương đương	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	161.300	2.604	420.025.200	48.390	126.007.560
3	Fluvoxamin maleat	Luvox 100mg hoặc tương đương	100mg	Uống	Viên	Viên	58.000	6.570	381.060.000	17.400	114.318.000
4	Levetiracetam	Keppra hoặc tương đương	500mg	Uống	Viên	Viên	12.500	15.470	193.375.000	3.750	58.012.500
5	Mirtazapin	Remeron 30 hoặc tương đương	30mg	Uống	Viên	Viên	14.600	17.626	257.339.600	4.380	77.201.880
6	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	Seroquel XR hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	12.000	10.472	125.664.000	3.600	37.699.200
7	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	Seroquel XR hoặc tương đương	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	23.000	21.896	503.608.000	6.900	151.082.400
8	Risperidon	Risperdal hoặc tương đương	1mg	Uống	Viên	Viên	113.000	10.896	1.231.248.000	33.900	369.374.400
9	Risperidon	Risperdal hoặc tương đương	2mg	Uống	Viên	Viên	107.000	20.049	2.145.243.000	32.100	643.572.900
10	Sertralin	Zoloft hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên	Viên	98.000	14.087	1.380.526.000	29.400	414.157.800
11	Valproat natri; Valproic acid	Depakine Chrono hoặc tương đương	333,00mg; 145,00mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.098.000	6.972	7.655.256.000	329.400	2.296.576.800
									14.384.568.800		**4.315.370.640**

Tổng số thuốc: **11 thuốc**

Tổng giá trị gói thầu: **14.384.568.800 đồng**

(Mười bốn tỷ, ba trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm đồng)

Tổng giá trị tùy chọn mua thêm: **4.315.370.640** **đồng**

(Bốn tỷ, ba trăm mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng)

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

PHỤ LỤC III

DANH MỤC MUA SẮM THUỐC NĂM 2026 - 2027

Gói thầu thuốc generic

(Đính kèm Quyết định 2065/QĐ-BVTT ngày 17 /11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm Thần)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
1	Adrenalin	1mg/mlx1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	NHÓM 4	Ống	300	3.850	1.155.000	90	346.500
2	Amisulprid	50mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	177.200	4.200	744.240.000	53.160	223.272.000
3	Amisulprid	100mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	482.900	7.300	3.525.170.000	144.870	1.057.551.000
4	Amisulprid	200mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	199.200	11.500	2.290.800.000	59.760	687.240.000
5	Amisulprid	400mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	247.000	15.890	3.924.830.000	74.100	1.177.449.000
6	Amlodipin	5mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	17.500	560	9.800.000	5.250	2.940.000
7	Amlodipin	10mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	14.500	630	9.135.000	4.350	2.740.500
8	Citalopram	20mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	192.300	9.900	1.903.770.000	57.690	571.131.000
9	Citalopram	40mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	160.800	15.000	2.412.000.000	48.240	723.600.000
10	Clozapin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	6.600	5.500	36.300.000	1.980	10.890.000
11	Clozapin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	148.900	1.500	223.350.000	44.670	67.005.000
12	Clozapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	174.000	9.000	1.566.000.000	52.200	469.800.000
13	Clozapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	213.500	2.100	448.350.000	64.050	134.505.000
14	Clozapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	213.500	1.850	394.975.000	64.050	118.492.500
15	Diazepam	5mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	50.000	1.932	96.600.000	15.000	28.980.000
16	Diazepam	10mg; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	NHÓM 1	Ống	2.000	17.950	35.900.000	600	10.770.000
17	Diazepam	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	NHÓM 4	Ống	3.000	8.000	24.000.000	900	7.200.000
18	Donepezil	5mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	73.200	3.500	256.200.000	21.960	76.860.000
19	Donepezil	10mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	89.000	4.220	375.580.000	26.700	112.674.000
20	Etifoxin chlohydrat	50mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	81.300	3.300	268.290.000	24.390	80.487.000
21	Gabapentin	400mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	35.100	8.500	298.350.000	10.530	89.505.000
22	Galantamin	5mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	18.200	21.000	382.200.000	5.460	114.660.000
23	Glucose	25g/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	NHÓM 4	Chai	300	8.500	2.550.000	90	765.000
24	Haloperidol	1,5mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	180.000	100	18.000.000	54.000	5.400.000
25	Haloperidol	5mg/1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	NHÓM 4	Ống	2.800	2.100	5.880.000	840	1.764.000
26	Lamotrigin	25mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 2	Viên	5.000	3.800	19.000.000	1.500	5.700.000
27	Lamotrigin	50mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	37.100	3.900	144.690.000	11.130	43.407.000
28	Lamotrigin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	35.800	4.600	164.680.000	10.740	49.404.000
29	Levetiracetam	500mg/ 5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	NHÓM 5	Chai	300	125.000	37.500.000	90	11.250.000
30	Levetiracetam	250mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	8.900	2.800	24.920.000	2.670	7.476.000
31	Levetiracetam	750mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	122.300	8.450	1.033.435.000	36.690	310.030.500
32	Levomepromazin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	183.500	1.720	315.620.000	55.050	94.686.000
33	Levomepromazin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	3.600	1.200	4.320.000	1.080	1.296.000
34	Levomepromazin	50mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	39.200	1.995	78.204.000	11.760	23.461.200
35	Levosulpirid	25mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	72.600	2.000	145.200.000	21.780	43.560.000
36	Levosulpirid	50mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	483.000	3.500	1.690.500.000	144.900	507.150.000
37	Levosulpirid	100mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	136.800	6.750	923.400.000	41.040	277.020.000
38	Methylphenidat	18mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 5	Viên	14.600	50.400	735.840.000	4.380	220.752.000
39	Methylphenidat	27mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 5	Viên	17.000	54.600	928.200.000	5.100	278.460.000
40	Methylphenidat	36mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 5	Viên	10.800	58.775	634.770.000	3.240	190.431.000
41	Mirtazapin	15mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	15.400	10.500	161.700.000	4.620	48.510.000
42	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 2	Viên	110.800	8.634	956.647.200	33.240	286.994.160
43	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	129.500	14.000	1.813.000.000	38.850	543.900.000
44	Mirtazapin	30mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	74.900	1.223	91.602.700	22.470	27.480.810
45	Natri clorid	0,9%;500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	NHÓM 4	Chai	600	7.980	4.788.000	180	1.436.400
46	Olanzapin	5mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 1	Viên	395.100	5.775	2.281.702.500	118.530	684.510.750
47	Olanzapin	10mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 1	Viên	477.900	6.788	3.243.985.200	143.370	973.195.560
48	Oxcarbazepin	150mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	1.500	2.877	4.315.500	450	1.294.650

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền	Số lượng tùy chọn mua thêm	Thành tiền tùy chọn mua thêm
49	Oxcarbazepin	300mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	290.100	8.064	2.339.366.400	87.030	701.809.920
50	Oxcarbazepin	300mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	73.100	3.780	276.318.000	21.930	82.895.400
51	Oxcarbazepin	60mg/ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	NHÓM 1	Chai/ lọ/ túi	290	219.996	63.798.840	87	19.139.652
52	Oxcarbazepin	300mg/ 5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	NHÓM 4	Ống	1.200	12.000	14.400.000	360	4.320.000
53	Paroxetin	20mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	287.400	3.969	1.140.690.600	86.220	342.207.180
54	Paroxetin	30mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	333.200	5.250	1.749.300.000	99.960	524.790.000
55	Piracetam	800mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	115.700	550	63.635.000	34.710	19.090.500
56	Quetiapin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	140.900	6.000	845.400.000	42.270	253.620.000
57	Quetiapin	25mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	103.600	3.000	310.800.000	31.080	93.240.000
58	Quetiapin	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 1	Viên	183.400	9.599	1.760.456.600	55.020	528.136.980
59	Quetiapin	50mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	48.300	5.950	287.385.000	14.490	86.215.500
60	Quetiapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	460.000	13.900	6.394.000.000	138.000	1.918.200.000
61	Quetiapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	279.400	11.000	3.073.400.000	83.820	922.020.000
62	Quetiapin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	75.100	3.500	262.850.000	22.530	78.855.000
63	Quetiapin	200mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	650.000	18.000	11.700.000.000	195.000	3.510.000.000
64	Quetiapin	200mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	865.000	16.100	13.926.500.000	259.500	4.177.950.000
65	Quetiapin	200mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	379.600	4.650	1.765.140.000	113.880	529.542.000
66	Ringer lactat	(0,135g; 0,2g; 3g; 1,6g)/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	NHÓM 4	Chai	100	10.000	1.000.000	30	300.000
67	Risperidon	1mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 1	Viên	34.400	9.800	337.120.000	10.320	101.136.000
68	Risperidon	2mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	NHÓM 1	Viên	214.500	18.000	3.861.000.000	64.350	1.158.300.000
69	Risperidon	1mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	7.600	1.000	7.600.000	2.280	2.280.000
70	Risperidon	4mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	223.100	1.750	390.425.000	66.930	117.127.500
71	Rivastigmin	1.5mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	3.100	18.879	58.524.900	930	17.557.470
72	Sertralin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	675.300	12.000	8.103.600.000	202.590	2.431.080.000
73	Sertralin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	12.400	2.940	36.456.000	3.720	10.936.800
74	Sertralin	100mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	13.800	2.499	34.486.200	4.140	10.345.860
75	Sulpirid	200mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	18.200	10.770	196.014.000	5.460	58.804.200
76	Topiramat	25mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	89.900	3.500	314.650.000	26.970	94.395.000
77	Topiramat	50mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	222.600	8.900	1.981.140.000	66.780	594.342.000
78	Topiramat	50mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	107.700	6.000	646.200.000	32.310	193.860.000
79	Topiramat	100mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	12.400	12.000	148.800.000	3.720	44.640.000
80	Valproate Natri	200mg/ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	NHÓM 2	Chai	4.000	80.696	322.784.000	1.200	96.835.200
81	Valproate Natri	200mg/ 5ml; 100ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	NHÓM 5	Chai	5.300	120.000	636.000.000	1.590	190.800.000
82	Venlafaxin	37,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 1	Viên	9.000	9.200	82.800.000	2.700	24.840.000
83	Venlafaxin	75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 1	Viên	9.000	14.500	130.500.000	2.700	39.150.000
84	Venlafaxin	75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	NHÓM 3	Viên	69.500	7.800	542.100.000	20.850	162.630.000
85	Venlafaxin	75mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	63.000	3.900	245.700.000	18.900	73.710.000
86	Vitamin B1	250mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	47.900	400	19.160.000	14.370	5.748.000
87	Ziprasidon	20mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	8.300	11.900	98.770.000	2.490	29.631.000
88	Zopiclon	5mg	Uống	Viên	NHÓM 4	Viên	178.000	1.176	209.328.000	53.400	62.798.400
89	Zopiclon	7,5mg	Uống	Viên	NHÓM 1	Viên	764.000	2.400	1.833.600.000	229.200	550.080.000
90	Zopiclon	7,5mg	Uống	Viên	NHÓM 2	Viên	1.000.000	2.310	2.310.000.000	300.000	693.000.000
									103.212.643.640		**30.963.793.092**

Tổng số thuốc: **90 thuốc**

Tổng giá trị gói thầu: **103.212.643.640 đồng**

(Một trăm lẻ ba tỷ, hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng)

Trong đó:

Nhóm 1: 29 thuốc - giá trị: 55.584.904.140 đồng

Nhóm 2: 29 thuốc - giá trị: 39.482.584.900 đồng

Nhóm 3: 1 thuốc - giá trị: 542.100.000 đồng

Nhóm 4: 26 thuốc - giá trị: 4.630.744.600 đồng

Nhóm 5: 5 thuốc - giá trị: 2.972.310.000 đồng

Tổng giá trị tùy chọn mua thêm: **30.963.793.092 đồng**

(Ba mươi tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, không trăm chín mươi hai đồng)